PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Hiệp An, ngày 01 tháng 9 năm 2023

QUY CHẾ

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường mầm non Rạng Đông Năm học 2023- 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /QĐ -TrMNRĐ ngày 01 tháng 9 năm 2023 của trường mầm non Rạng Đông)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng tại Trường mầm non Rạng Đông

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

Thông tin được công khai tại bảng công khai, trong các cuộ họp và trên gmail phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II
THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; kết quả đạt

được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà trường (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định chất lượng giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của nhà trường: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách; các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo năm học.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này

a) Đăng tải công khai về trang thông tin điện tử của trường vào tháng 5 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện để cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công khai là tháng 5 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

c) Bất cứ lúc nào nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này (Học phí và các khoản thu khác từ người học), ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, nhà trường còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Đối với trẻ em mới tiếp nhận: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ trước khi tổ chức họp cha mẹ trẻ vào đầu năm học mới đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tại cơ sở giáo dục và đào tạo.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới theo yêu cầu của các cấp.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của các cấp, chủ trì tổ chức công khai bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem.

c) Đưa lên gmail nội bộ của trường.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 7. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy chế công khai này đến công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên trong đơn vị để thực hiện.

Điều 8. Quy chế này có 4 Chương 8 Điều; Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, các tổ trưởng chuyên môn có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện Quy chế công khai của trường cho Hiệu trưởng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị thủ trưởng đơn vị xem xét sửa đổi. Qui chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT **TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 79 / BC-MNRĐ	*Hiệp An, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện 3 công khai năm học 2022-2023

Định hướng quản lí công tác 3 công khai năm học 2023-2024

Căn cứ thông tư số 36/ 2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1211/PGDĐT ngày 13/10/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Thủ Dầu Một, về việc thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT;

Trường mầm non Rạng Đông báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2022-2023.

I/ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Khái quát số lượng cán bộ quản lý giáo viên lớp học sinh năm học 2022-2023:

- Số lượng CBQL, GV: Toàn trường có 25 viên chức, nhân viên trong có: CBQL: 2, Giáo viên: 14

- Số lượng trẻ: Toàn trường có 186 trẻ/7 lớp, được tổ chức bán trú 100%; trong đó:

+ 1 nhóm trẻ /14 trẻ

+ 1 lớp mầm /30 trẻ

+ 2 lớp Chồi/ 60 trẻ

+ 3 lớp lá/ 82 trẻ

2. Tình hình chất lượng đội ngũ số lượng tỷ lệ cán bộ quản lý giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt chuẩn dưới chuẩn:

- CBQL: 2 người (1Hiệu trưởng, 1phó hiệu trưởng)

+ Đạt chuẩn: 1 Phó hiệu trưởng Có trình độ cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỉ lệ 50%

+ Trên chuẩn: 1 Hiệu trưởng Có trình độ đại học sư phạm mầm non đạt tỉ lệ 50%

- Giáo viên: Có 14 giáo viên

+ Trên đạt chuẩn: 3 Giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỉ lệ 20%

+ Đạt chuẩn: 9 Giáo viên có trình độ đại học sư phạm mầm non đạt tỉ lệ 60%

+ Chưa đạt chuẩn: 3 Giáo viên trình độ Trung cấp sư phạm mầm non đạt tỉ lệ 20%

3. Tình hình đầu tư duy tu sửa chữa xây mới của nhà trường năm học 2022-2023 (ngân sách nhà nước...)

- Nhà trường đã thực hiện công tác cải tạo sửa chữa trường học tham mưu kinh phí sửa chữa từ nguồn kinh phí nhà nước như với tổng kinh phí sửa chữa 68.416.204 đồng gồm các hạng mục như:

+ Sơn sửa đồ dùng đồ chơi ngoài

+ Sửa chữa thiết bị máy tính, máy in

+ Trang bị bổ sung và bơm bình chữa cháy

+ Sữa chữa hệ thống đèn, điện, vòi nước ở các lớp

+ Quy hoạch chậu cây kiểng tạo mảng xanh cho trẻ hoạt động vui chơi, khám phá, quan sát

II. KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC 03 CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022-2023:

1. Kết quả:

1.1 Việc thực hiện biểu mẫu về cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường:

Nhà trường thực hiện đúng biểu mẫu theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT. Biểu mẫu 01 Cam kết chất lượng giáo của nhà trường đúng quy định 1 lần/ 1 năm và khi công khai có biên biên bản công khai và biên bản tháo gỡ ghi lại quá trình công khai.

1.2 Việc thực hiện biểu mẫu về công khai thông tin chất lượng giáo dục của nhà trường:

Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Nhà trường thực hiện biểu mẫu số 02 công khai thông tin chất lượng giáo dục của nhà trường được tiến hành công khai vào cuối mỗi tháng trên bảng thông tin nội bộ của nhà trường. Nội dung biểu mẫu công khai đến cha mẹ trẻ kết quả chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ tại trường.

1.3 Việc thực hiện biểu mẫu về công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường:

- Thời điểm công khai: Tháng 9, tháng 01, tháng 5, các thời điểm nếu có sự thay đổi về các số liệu, nội dung trong các biểu mẫu công khai.

- Thực hiện biểu mẫu 03 theo TT 36/2017/TT-BGDĐT về công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường được niêm yết theo hàng quý hoặc khi trường được trang cấp tài sản mới về. Khi công khai có biên bản công khai và biên tháo gỡ ghi cụ thể địa điểm và thời gian công khai rõ ràng.

1.4 Việc thực hiện về công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý giáo viên nhân viên của nhà trường:

- Thời điểm công khai: Tháng 9, tháng 01, tháng 5, các thời điểm nếu có sự thay đổi về các số liệu, nội dung trong các biểu mẫu công khai.

- Biểu mẫu số 4 thông tin công khai đội ngũ được thực hiện hàng quý và niêm yết công khai đúng biểu mẫu, đúng thời gian quy định. Nội dung, thời gian, biên bản công khai được ghi vào biên bản cụ thể.

2. Đánh giá nhận xét chung tình hình thực hiện 3 công khai của trường (hình thức nội dung chất lượng thông tin công khai cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác công khai)

Nhà trường tổ chức thực hiện công khai dưới hình thức:

- Công khai trên trang thông tin điện tử, Bảng tin của nhà trường (Thời điểm công khai là tháng 6, cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Riêng biểu mẫu chất lượng chăm sóc, giáo dục được công khai kết quả hàng tháng. Thời gian thực hiện niêm yết 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể cha mẹ trẻ vào cuộc họp cha mẹ trẻ vào đầu năm học và cuối năm học

- Nhà trường luôn thực hiện tốt các nội dung công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT với đầy đủ các nội dung theo biểu mẫu, công khai được niêm yết ở thông tin nội bộ của nhà trường, bảng tin của trường để thuận tiện cho CB-GV-NV, cha mẹ trẻ theo dõi.

+ Nhà trường thực hiện tốt chất lượng công tác 3 công khai

+ Đảm bảo đúng kết quả các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường.

+ Đảm bảo công khai minh bạch các khoảng thu, chi trong nhà trường phục vụ cviệc tổ chức các hoạt động của trẻ trong năm học.

- Đối với mức thu học phí và các khoản thu khác được phổ biến đến cha mẹ trong cuộc họp đầu năm. Phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh đầu năm học.

Phần thứ 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024:

I. Tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2023-2024:

1 .Khái quát tình hình nhà trường đầu năm nêu khái quát:

- Số lượng CBQL, GV: Toàn trường có 23 viên chức, nhân viên trong có: CBQL: 2, Giáo viên: 12

- Số lượng trẻ: Toàn trường có 190 trẻ/7 lớp, được tổ chức bán trú 100%; trong đó:

+ 1 nhóm trẻ /13 trẻ

+ 1 lớp mầm /26 trẻ

+ 2 lớp Chồi/ 59 trẻ

+ 3 lớp lá/ 92 trẻ

- Trong năm học 2023-2024 nhà trường có giảm 1 giáo viên nghỉ việc do hết tuổi lao động vào đầu tháng 6/2023.

2. Tình hình công khai đầu năm 2023- 2024:

** Đánh giá thực hiện các biểu mẫu:*

- Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc nội dung công khai 4 biểu mẫu (biểu 01,02,03,04 theo thông TT 36/2017/TT-BGDĐT) đầy đủ đúng quy định.

- Trong tháng 10 trường đã thực hiện 3 biểu mẫu công khai (biểu 1,2,3) (Do tình hình dịch bệnh nên số lượng tuyển sinh trẻ ra lớp còn nhiều thay đổi), biểu mẫu số 4 công khai vào cuối mỗi tháng. Các biểu mẫu công khai được niêm yết trên bảng tuyên truyền của nhà trường và lập biên bản niêm yết thời gian công khai và thời gian tháo gỡ biểu mẫu công khai.

- Các thành viên trong nhà trường cùng tích cực thực hiện và giám sát nhau để đảm bảo công khai đúng và hiệu quả.

II. Định hướng công tác 3 công khai năm học 2023-2024:

1. Mục tiêu thực hiện công tác 3 công khai của trường:

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Các biểu mẫu công khai giúp phụ huynh và giáo viên nắm bắt được chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục của nhà trường. Các nội dung công khai giúp Tập thể hội đồng sư phạm nhà trường rút kinh nghiệm những hạn chế mà trường của nhà trường và có hướng khắc phục trong tháng sau.

2. Nội dung 3 công khai theo các biểu mẫu:

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm vững nội dung Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Thông tư số 36/ 2017 TT - BGDĐT ngày 28/ 12/ 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân).

- Nhà trường thực hiện công khai biểu số 1 đến biểu số 4.

+ Biểu 1: Công khai Cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

+ Biểu 2: Công khai Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế

+ Biểu 3: Công khai thông tin về Cơ sở vật chất

+ Biểu 4: Công khai về thông tin Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

+ Công khai thu chi tài chính: Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước theo 90/2018 của Bộ tài chính ngày 28/09/2018 về các khoản chi trong năm học

3. Định hướng các giải pháp thực hiện:

- Trong năm học 2023-2024 nhà trường tiếp tục thực hiện 3 công khai dưới nhiều hình thức: Công khai rên trang thông tin điện tử, bản thông tin của trường, công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể cha mẹ vào các cuộc hợp cha mẹ trẻ đầu năm và cuối năm học,…

- Thực hiện 3 công khai nhà trường đều có biên bản niêm yết thời gian công khai và thời gian tháo gỡ biểu mẫu công, trong quá trình công khai có phân công thành viên theo dõi và giám sát báo cáo với Hiệu trưởng kịp thời khi có vướng mắc.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai và thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Trường Mầm non Rạng Đông năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:
- Phòng GDĐT TP TDM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. THỦ DẦU MỘT T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Duy trì và đảm bảo trẻ có sức khỏe bình thường về cân nặng và chiều cao đạt 95 % trở lên
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ biết tự kiểm soát được hành vi của bản thân. - 100% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản, tự tinh, khéo léo. - Trẻ có kiến thức và hiểu biết về tự nhiên, xã hội xung quanh trẻ. - Trẻ trả lời câu hỏi, trao đổi, nói rõ ràng mạch lạc và nhận biết được 29 chữ cái. - Biết quan tâm, chia sẻ và có hành vi ứng xử phù hợp với con người, môi trường. - Yêu thích cái đẹp và tạo được những sản phẩm đơn giản.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- 100% lớp có đủ phòng học. - Trang bị đủ thiết bị, đồ dùng vui chơi học tập (theo thông tư 02/2010/TT-BGDĐT) - Trình độ giáo viên đạt chuẩn trở lên.

Hiệp An, ngày 1 tháng 9 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 9/2023

Năm học 2023 - 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	13	26	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**	13	26	59	92
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**		0	0	0
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	13	26	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	13	26	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	13	26	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	13	26	59	92
1	Số trẻ bình thường	**150**	**12**	**18**	**45**	**75**
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**7**		4	2	2
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**2**		1	1	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**2**			2	
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm					
6	Số trẻ thừa cân	**13**		2	5	6
7	Số trẻ béo phì	**15**	1	1	4	9
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	13	26	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	13	26	59	92

Hiệp An, ngày 30 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	10	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	**Số điểm trường**	2	-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	4.708 m^2	17.83 m^2
	Cơ sở 1	3.761 m^2	15.9 m^2
	Cơ sở 2	947 m^2	32.65 m^2
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	2.700 m^2	10.22 m^2
	Cơ sở 1	2.000 m^2	8.47 m^2
	Cơ sở 2	700 m^2	24.13 m^2
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	98 m^2	3.62m^2
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	12 m^2	0,4 m^2
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	20.4 m^2	0.75 m^2
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m^2)	90m^2	
6	Diện tích phòng nghệ thuật (m^2)	80 m^2	0,34 m^2
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**10**	Số bộ/nhóm (lớp) 1
1	Số thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có theo quy định	**8 bộ**	8/ 7 lớp
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	**26**	**26/7**
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập** (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v…)	**10**	**10/7**
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác**		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	14	14/7
2	Nhạc cụ (Đàn ocgan)	11	11/7
3	Máy photo	2	2/7
5	Catsset	4	4/7
6	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/7
7	Bàn ghế đúng quy cách (bộ:1 bàn 2 ghế)	190	190/7
8	Bộ đồ chơi thông minh	9	9/7

9	Bộ màn hình cảm ứng	9	9/7
10	Máy chiếu	1	1/7
11	Bàn nhỏ để máy vi tính	10	10/7

X		Số lượng (m^2)				
	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9 phòng		9		0,36 m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XI	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIII	**Kết nối internet (Cáp quang)**	x	
XIV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	
XV	**Tường rào xây**	x	

Hiệp An, ngày 30 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhânviên	**23**	**0**	**0**	**9**	**3**	**3**	**8**	**13**	**5**	**4**	**9**	**5**	**0**
I	**Giáo viên**	**12**	**0**	**0**	**7**	**3**	**2**	**0**	**7**	**4**	**3**	**9**	**5**	**0**
1	Nhà trẻ	1	0	0	0	0	1	0	2	0	0	1	0	0
2	Mẫu giáo	11	0	0	7	3	1	0	5	4	3	6	5	0
II	**Cán bộ quản lý**	**2**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**2**	**0**	**0**
1	Hiệu trưởng	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0
III	**Nhân viên**	**9**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**8**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0
2	Văn thư -Thủ quỹ	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
3	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cấp dưỡng	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0
5	Bảo vệ	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
6	Phục vụ	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Hiệp An, ngày 30 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 – 2024

(Tháng 10 thay đổi kế toán)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhânviên	**23**	**0**	**0**	**9**	**3**	**3**	**8**	**13**	**5**	**4**	**9**	**5**	**0**
I	**Giáo viên**	**12**	**0**	**0**	**7**	**3**	**2**	**0**	**7**	**4**	**3**	**9**	**5**	**0**
1	Nhà trẻ	1	0	0	0	0	1	0	2	0	0	1	0	0
2	Mẫu giáo	11	0	0	7	3	1	0	5	4	3	6	5	0
II	**Cán bộ quản lý**	**2**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**2**	**0**	**0**
1	Hiệu trưởng	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0
III	**Nhân viên**	**9**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**8**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0
2	Văn thư -Thủ quỹ	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
3	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cấp dưỡng	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0
5	Bảo vệ	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
6	Phục vụ	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Hiệp An, ngày 31 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 10/2023

Năm học 2023 - 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	13	26	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**	13	26	59	92
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**		0	0	0
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	13	26	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	13	26	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	13	26	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	13	26	59	92
1	Số trẻ bình thường	**155**	**12**	**22**	**45**	**76**
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**3**			1	2
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**2**		1	1	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**2**			2	
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm					
6	Số trẻ thừa cân	**13**		2	6	5
7	Số trẻ béo phì	**15**	1	1	4	9
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	13	26	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	13	26	59	92

Hiệp An, ngày 31 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 11/2023

Năm học 2023 - 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	13	26	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**		0	0	0
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	13	26	59	92
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	13	26	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	13	26	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	13	26	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	**13**	**26**	**59**	**92**
1	Số trẻ bình thường	**157**	12	20	48	77
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**2**				2
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**2**		1	1	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**2**		2		
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm					
6	Số trẻ thừa cân	**14**		3	7	4
7	Số trẻ béo phì	**13**	1		3	9
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	13	26	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	13	26	59	92

Hiệp An, ngày 30 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TP.THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 12/2023

Năm học 2023- 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	12	27	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**		0	0	0
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	12	27	59	92
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	12	27	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	12	27	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	12	27	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	**12**	**27**	**59**	**92**
1	Số trẻ bình thường	**163**	11	23	46	83
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**0**				2
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**5**		1	3	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**0**				
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	**0**				
6	Số trẻ thừa cân	**15**	0	3	7	5
7	Số trẻ béo phì	**8**	1	0	3	4
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	12	2	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	12	27	59	92

Hiệp An, ngày 30 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TP THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC TP THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 1/2024

Năm học 2023- 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	12	27	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**		0	0	0
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	12	27	59	92
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	12	27	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	12	27	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	12	27	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	**12**	**27**	**59**	**92**
1	Số trẻ bình thường	**161**	11	23	47	80
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**2**				2
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**3**		1	3	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**0**				
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	**0**				
6	Số trẻ thừa cân	**15**		3	8	4
7	Số trẻ béo phì	**8**	1		1	6
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	12	2	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	12	27	59	92

Hiệp An, ngày 31 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 2/2024
Năm học 2023- 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	12	27	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**		0	0	0
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	12	27	59	92
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	12	27	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	12	27	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	12	27	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	**12**	**27**	**59**	**92**
1	Số trẻ bình thường	**161**	11	23	47	80
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**2**				2
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**3**			3	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**0**				
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	**0**				
6	Số trẻ thừa cân	**15**		3	8	3
7	Số trẻ béo phì	**8**	1		1	5
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	12	2	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	12	27	59	92

Hiệp An, ngày 28 tháng 02 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 3/2024
Năm học 2023- 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	12	27	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**		0	0	0
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	12	27	59	92
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	12	27	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	12	27	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	12	27	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	**12**	**27**	**59**	**92**
1	Số trẻ bình thường	**161**	11	23	47	80
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**1**				1
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**2**			2	
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**0**				
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	**0**				
6	Số trẻ thừa cân	**11**		3	5	3
7	Số trẻ béo phì	**7**	1		1	5
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	12	2	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	12	27	59	92

Hiệp An, ngày 25 tháng 03 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 4/2024
Năm học 2023- 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	12	27	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**		0	0	0
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	12	27	59	92
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	12	27	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	12	27	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	12	27	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	**12**	**27**	**59**	**92**
1	Số trẻ bình thường	**182**	12	25	56	89
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**0**				
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**0**				
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**0**				
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	**0**				
6	Số trẻ thừa cân	**4**		2	2	
7	Số trẻ béo phì	**4**			1	3
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	12	27	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	12	27	59	92

Hiệp An, ngày 28 tháng 04 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế tháng 5/2024
Năm học 2023- 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			
			Nhóm 1	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**190**	12	27	59	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	**190**		0	0	0
	Số trẻ em 1 buổi/ngày	**0**		0	0	0
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	12	27	59	92
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở**	**190**	12	27	59	92
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe đợt 1**	**190**	12	27	59	92
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**190**	12	27	59	92
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**190**	**12**	**27**	**59**	**92**
1	Số trẻ bình thường	**182**	12	25	56	89
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	**0**				
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	**0**				
4	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể	**0**				
5	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm	**0**				
6	Số trẻ thừa cân	**4**		2	2	
7	Số trẻ béo phì	**4**			1	3
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**190**	12	27	59	92
1	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	**190**	12	27	59	92

Hiệp An, ngày 29 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Duy trì và đảm bảo trẻ có sức khỏe bình thường về cân nặng và chiều cao đạt 95 % trở lên
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ biết tự kiểm soát được hành vi của bản thân. - 100% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản, tự tinh, khéo léo. - Trẻ có kiến thức và hiểu biết về tự nhiên, xã hội xung quanh trẻ. - Trẻ trả lời câu hỏi, trao đổi, nói rõ ràng mạch lạc và nhận biết được 29 chữ cái. - Biết quan tâm, chia sẻ và có hành vi ứng xử phù hợp với con người, môi trường. - Yêu thích cái đẹp và tạo được những sản phẩm đơn giản.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- 100% lớp có đủ phòng học. - Trang bị đủ thiết bị, đồ dùng vui chơi học tập (theo thông tư 02/2010/TT-BGDĐT) - Trình độ giáo viên đạt chuẩn trở lên.

Hiệp An, ngày 29 tháng 5 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MN RẠNG ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	10	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	**Số điểm trường**	2	-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	4.708 m^2	17.83 m^2
	Cơ sở 1	3.761 m^2	15.9 m^2
	Cơ sở 2	947 m^2	32.65 m^2
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	2.700 m^2	10.22 m^2
	Cơ sở 1	2.000 m^2	8.47 m^2
	Cơ sở 2	700 m^2	24.13 m^2
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	98 m^2	3.62m^2
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	12 m^2	0,4 m^2
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	20.4 m^2	0.75 m^2
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m^2)	90m^2	
6	Diện tích phòng nghệ thuật (m^2)	80 m^2	0,34 m^2
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**10**	Số bộ/nhóm (lớp) 1
1	Số thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có theo quy định	**8 bộ**	8/ 7 lớp
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	**26**	**26/7**
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập** (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v…)	**10**	**10/7**
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác**		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	14	14/7
2	Nhạc cụ (Đàn ocgan)	11	11/7
3	Máy photo	2	2/7
5	Catsset	4	4/7
6	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/7
7	Bàn ghế đúng quy cách (bộ:1 bàn 2 ghế)	184	184/7